

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh, ông Y Dhiểu Hmok.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Huỳnh Phi Hải – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Nhật L**, sinh năm 1997- có mặt

Địa chỉ: **Hẻm H N, tổ dân phố E, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.**

Bị đơn: Anh **Nhâm Anh D**, sinh năm 1989- vắng mặt

Địa chỉ: **Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phan Thị Nhật L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 31/8/2018 chị **Phan Thị Nhật L** và anh **D** kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.**

Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên, nguyên nhân do anh **D** nghe lời mẹ đẻ đã

chửi bới, xúc phạm vợ, chị **Phan Thị Nhật L** cũng đã cố gắng khuyên nhủ nhưng vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Vì vậy, chị **Phan Thị Nhật L** nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **D**

Về con chung: Quá trình chung sống, chị **L** và anh **D** chưa có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị **Phan Thị Nhật L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Nhâm Anh D** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt anh **D** theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị **Phan Thị Nhật L** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 21-3-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 29-3-2024, Tòa án Thông báo nộp tạm ứng án phí; cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn anh **Nhâm Anh D** vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **Phan Thị**

Nhật L và anh **Nhâm Anh D** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống chị **Phan Thị Nhật L** xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **D** thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị **Phan Thị Nhật L**, vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm và đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị **Phan Thị Nhật L** và anh **Nhâm Anh D** thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa chị **Phan Thị Nhật L** và anh **D** có mâu thuẫn, nhưng khi phát sinh mâu thuẫn không ai trình báo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được, hiện tại chị **Phan Thị Nhật L** và anh **D** đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị **Phan Thị Nhật L** và anh **Nhâm Anh D** đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị **Phan Thị Nhật L** ly hôn anh **Nhâm A D** là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung, nên HĐXX không đề cập.

[4.3] Về tài chung và công nợ chung: Chị **Phan Thị Nhật L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị **Phan Thị Nhật L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn anh **Nhâm A D** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Phan Thị Nhật L** được ly hôn với anh **Nhâm Anh D**.

2. **Về con chung:** Chị **Phan Thị Nhật L** và anh **Nhâm A D** không có con chung, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

3. **Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị **Phan Thị Nhật L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị **Phan Thị Nhật L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0001451 ngày 29-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bị đơn anh **Nhâm A D** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Kim Chung